

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Hiền	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2011)
Ông Phạm Đăng Nam	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2011)
Ông Bùi Quang Phú Điền	Ủy viên
Ông Tống Xuân Phong	Ủy viên
Ông Đoàn Quốc Thịnh	Ủy viên
Ông Phạm Tấn Tùng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hiền	Giám đốc
Ông Bùi Quang Phú Điền	Phó Giám đốc
Ông Võ Ngọc Phương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Hiền

Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2012

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Số: 879 /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 17. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 28 tháng 2 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Văn Tân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0401/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		252.443.703.142
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	127.924.994.323
1. Tiền	111		7.924.994.323
2. Các khoản tương đương tiền	112		120.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.398.547.556
1. Phải thu của khách hàng	131		48.632.428.911
2. Trả trước cho người bán	132		14.838.522.802
3. Các khoản phải thu khác	135		7.927.595.843
III. Hàng tồn kho	140	6	49.864.361.903
1. Hàng tồn kho	141		52.993.019.201
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.128.657.298)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.255.799.360
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.054.799.360
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		201.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		20.907.985.432
I. Tài sản cố định	220		19.031.392.038
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	3.197.028.038
- Nguyên giá	222		5.201.410.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.004.381.975)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	9.714.364.000
- Nguyên giá	228		9.714.364.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	17	6.120.000.000
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.876.593.394
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.858.149.394
2. Tài sản dài hạn khác	268		18.444.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		273.351.688.574

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		79.323.791.696
I. Nợ ngắn hạn	310		79.117.844.696
1. Phải trả cho người bán	312		61.424.527.320
2. Người mua trả tiền trước	313		2.011.334.842
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	244.180.610
4. Phải trả người lao động	315		1.872.422.498
5. Chi phí phải trả	316		9.456.146.370
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.151.047.949
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.958.185.107
II. Nợ dài hạn	330		205.947.000
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		205.947.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		194.027.896.878
I. Vốn chủ sở hữu	410	10	194.027.896.878
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		170.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.142.814.141
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.071.407.071
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		17.813.675.666
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		273.351.688.574

**Nguyễn Đức Hiền**

Q. Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thành Công

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	2.660.856.972.664
2. Các khoản giảm trừ	02	12	13.581.028.906
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	12	2.647.275.943.758
4. Giá vốn hàng bán	11	13	2.583.480.566.728
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		63.795.377.030
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	18.837.406.161
7. Chi phí tài chính	22		-
8. Chi phí bán hàng	24		10.168.044.702
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.056.534.816
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		55.408.203.673
11. Thu nhập khác	31		13.636.364
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		13.636.364
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		55.421.840.037
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	13.993.698.624
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		41.428.141.413



Nguyễn Đức Hiền

Q. Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01		55.421.840.037
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02		1.050.035.186
Các khoản dự phòng	03		(297.214.135)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(18.837.406.161)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		37.337.254.927
(Tăng) các khoản phải thu	09		(65.764.570.937)
(Tăng) hàng tồn kho	10		(292.924.822)
Tăng các khoản phải trả	11		18.304.426.526
(Giảm) chi phí trả trước	12		(1.684.684.743)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(22.823.341.406)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.223.938.269)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(40.147.778.724)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.119.612.830)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.829.336.716
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		5.709.723.886
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31		70.000.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36		(38.320.939.095)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		31.679.060.905
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		(2.758.993.933)
Tiền và tương đương tiền tăng do chuyển đổi	60		130.683.988.256
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		127.924.994.323



Nguyễn Đức Hiền
Giám đốc
Ngày 28 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (“Công ty”), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp và sửa đổi. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 15 tháng 8 năm 2008, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí - Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 57 người.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Sản xuất phân bón và hợp chất Ni tơ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón và hàng hóa nông sản; Bán buôn vật tư nông nghiệp, giống, hạt giống cây trồng, con giống thủy hải sản các loại; Các loại dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461, Công ty chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, theo đó, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là báo cáo tài chính đầu tiên của Công ty dưới hình thức công ty cổ phần.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại thuyết minh số 18.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	2-3

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, trong đó Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính là 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

31/12/2011
VND

Tiền mặt	154.799.250
Tiền gửi ngân hàng	7.770.195.073
Các khoản tương đương tiền	120.000.000.000
	127.924.994.323

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 14%/năm.

6. HÀNG TỒN KHO

31/12/2011
VND

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	304.873.427
Hàng hóa	52.688.145.774
	52.993.019.201
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.128.657.298)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	49.864.361.903

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2011	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	1.766.025.000	858.181.818	1.919.884.910	4.544.091.728
Mua trong năm	-	-	778.158.285	778.158.285
Thanh lý	-	-	(120.840.000)	(120.840.000)
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.766.025.000</u>	<u>858.181.818</u>	<u>2.577.203.195</u>	<u>5.201.410.013</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2011	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	397.033.566	123.234.431	554.918.792	1.075.186.789
Khấu hao trong năm	161.135.724	142.762.949	746.136.513	1.050.035.186
Thanh lý	-	-	(120.840.000)	(120.840.000)
Tại ngày 31/12/2011	<u>558.169.290</u>	<u>265.997.380</u>	<u>1.180.215.305</u>	<u>2.004.381.975</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.207.855.710</u>	<u>592.184.438</u>	<u>1.396.987.890</u>	<u>3.197.028.038</u>

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là 24.664.000 đồng.

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	9.714.364.000	11.250.000	9.725.614.000
Thanh lý	-	(11.250.000)	(11.250.000)
Tại ngày 31/12/2011	<u>9.714.364.000</u>	<u>-</u>	<u>9.714.364.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	-	11.250.000	11.250.000
Thanh lý	-	(11.250.000)	(11.250.000)
Tại ngày 31/12/2011	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>9.714.364.000</u>	<u>-</u>	<u>9.714.364.000</u>

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	179.149.012
Thuế thu nhập cá nhân	65.031.598
	<u>244.180.610</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 1/1/2011	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	41.428.141.413	41.428.141.413
Vốn góp trong năm	70.000.000.000	-	-	-	70.000.000.000
Trích từ lợi nhuận (1)	-	4.142.814.141	2.071.407.071	(6.214.221.212)	-
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (2)	-	-	-	(5.500.244.535)	(5.500.244.535)
Trả cổ tức (3)	-	-	-	(11.900.000.000)	(11.900.000.000)
Số dư tại 31/12/2011	170.000.000.000	4.142.814.141	2.071.407.071	17.813.675.666	194.027.896.878

(1) Trong năm, Công ty trích lập các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính của Công ty với số tiền tương ứng 4.142.814.141 đồng và 2.071.407.071 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 5/NQ-HĐQT ngày 9/2/2012.

(2) Trong năm, căn cứ vào các Nghị quyết Hội đồng quản trị số 290A/NQ-HĐQT ngày 5/7/2011, 311/NQ-HĐQT ngày 26/9/2011 và 320/NQ-HĐQT ngày 8/11/2011, Công ty đã tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi lần lượt là 3.339.030.437 đồng, 489.450.000 đồng và 96.640.134 đồng từ lợi nhuận trong năm. Bên cạnh đó, Công ty đã trích lập thêm 1.575.123.964 đồng cho Quỹ Khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 5/NQ-HĐQT ngày 9/2/2012.

(3) Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị số 306/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2011, Công ty đã tạm chia cổ tức là 11.900.000.000 đồng từ lợi nhuận trong năm.

Số liệu cuối cùng đối với việc chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2011 sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 170.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Số tiền góp vốn VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí – Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”)	75%	12.750.000	127.500.000.000
Các cổ đông khác	25%	4.250.000	42.500.000.000
	100%	17.000.000	170.000.000.000

Cổ phần phát hành**31/12/2011**

Cổ phần được phép phát hành	17.000.000
Số lượng cổ phần	10.000
Mệnh giá - VND/cổ phần	
Tổng giá trị - VND	170.000.000.000

Đã phát hành và được thanh toán đầy đủ	17.000.000
Số lượng cổ phần	10.000
Mệnh giá - VND/cổ phần	
Tổng giá trị - VND	170.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

11. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh.

12. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2011
	VND
Doanh thu URE Phú Mỹ	1.618.950.904.652
Doanh thu NPK Phú Mỹ	63.292.171.424
Doanh thu các loại phân bón khác	969.851.088.484
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	8.762.808.104
	2.660.856.972.664
Hàng bán bị trả lại	(19.695.238)
Chiết khấu thương mại	(13.561.333.668)
	2.647.275.943.758

13. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2011
	VND
Giá vốn URE Phú Mỹ	1.555.050.348.569
Giá vốn NPK Phú Mỹ	63.080.498.607
Giá vốn các loại phân bón khác	957.172.678.581
Giá vốn dịch vụ khác	8.177.040.971
	2.583.480.566.728

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện khoản thu lãi tiền gửi tại các ngân hàng trong năm.

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	850.181.087
Chi phí nhân công	13.162.466.576
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.050.035.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.608.654.488
Chi phí khác	6.526.298.110
	36.197.635.447

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	55.421.840.037
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	552.954.457
Thu nhập chịu thuế	55.974.794.494
Thuế suất	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13.993.698.624
Chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.993.698.624

17. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

	2011 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	914.363.636

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	1.714.909.091
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	546.000.000
Sau năm năm	-

Cam kết vốn

Theo Nghị quyết số 334/NQ-HĐQT ngày 20/12/2011, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư Kho kết hợp chi nhánh cửa hàng tại Đồng Tháp với tổng mức đầu tư là 22.500.000.000 đồng. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 6.120.000.000 đồng.

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các loại công cụ tài chính****31/12/2011****VND****Tài sản tài chính**

Tiền và các khoản tương đương tiền

127.924.994.323

Phải thu khách hàng và phải thu khác

56.560.024.754

Tổng cộng**184.485.019.077****Công nợ tài chính**

Phải trả cho người bán và phải trả khác

62.575.575.269

Chi phí phải trả

9.456.146.370

Tổng cộng**72.031.721.639**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính; Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	62.575.575.269	-	62.575.575.269
Chi phí phải trả	9.456.146.370	-	9.456.146.370

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.924.994.323	-	127.924.994.323
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.560.024.754	-	56.560.024.754

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 VND
<u>Góp vốn điều lệ</u>	
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	27.500.000.000
<u>Mua hàng hóa</u>	
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	1.667.098.717.282
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí	471.727.950.608
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà dầu khí Miền Nam	6.120.000.000
<u>Thuê văn phòng</u>	
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	78.000.000
<u>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</u>	
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	7.028.102.792
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí	1.203.090.909
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	9.960.019.047
Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC Miền Nam	11.980.952.383
Tổng Công ty Dung dịch khoan và hoá phẩm dầu khí - Công ty Cổ phần	2.942.857.142
Bán hàng cho các cổ đông Công ty	2.147.586.408.044
	2011 VND
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:	
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.390.110.207

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

31/12/2011**VND****Phải thu khách hàng**

Doanh nghiệp Tư nhân Hưng Thạnh	19.471.520.660
Doanh nghiệp Tư nhân Tường Dung	635.355.327
Doanh nghiệp Tư nhân Nguyễn Khoa	9.825.687.001
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Anh	3.084.820.255
Cty TNHH Hữu Thành I	5.302.459.844
Công ty TNHH Út Nữ	5.392.299.999

Ứng trước nhà cung cấp

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	8.472.253.257
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà dầu khí Miền Nam	6.221.454.545

Phải thu khác

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	7.309.262.509
---	---------------

Phải trả người bán

Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí	58.676.600.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà dầu khí Miền Nam	112.706.646

Người mua trả tiền trước

Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Nguyễn Thị Dầy	107.139.567
Công ty TNHH TM DV XNK Tường Nguyên	222.435.000
Doanh nghiệp Tư nhân Thu Dung	77.947.358
Công ty TNHH TM DV Hiếu Vân	246.783.767
Công ty Cổ phần công nghệ cao Agritech	42.140.000
Doanh nghiệp Tư nhân Việt Nga	155.299.997
Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hoàng	274.714.751
Doanh nghiệp Tư nhân Đăng Lan	95.640.998

Phải trả khác

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	1.066.126.294
---	---------------

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính lập cho năm tài chính từ khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp ngày 01 tháng 01 năm 2011 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần) đến 31 tháng 12 năm 2011. Theo thông tư 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành, tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu kế thừa từ doanh nghiệp cũ trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số phát sinh của doanh nghiệp mới. Theo đó, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là báo cáo tài chính đầu tiên của Công ty và không có số liệu so sánh được trình bày.

**Nguyễn Đức Hiển****Q. Giám đốc**

Ngày 28 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng